

# TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA GIAI CẤP VÀ DÂN TỘC TRONG CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

GS, TS, NGND TRỊNH NHU

Ngày nhận:

14-11-2024

Ngày thẩm định, đánh giá:

20-11-2024

Ngày duyệt đăng:

25-11-2024

**Tóm tắt:** Học thuyết Mác - Lênin với tư cách là lí luận cách mạng của giai cấp vô sản đã lí giải vai trò lãnh đạo của giai cấp vô sản đối với sự nghiệp đấu tranh lật đổ ách thống trị của giai cấp tư sản và chế độ thuộc địa; khẳng định vai trò lãnh đạo của giai cấp vô sản đối với phong trào giải phóng dân tộc. Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo và phát triển học thuyết Mác - Lênin về mối quan hệ biện chứng giữa giai cấp và dân tộc trong sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Bài viết làm rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giai cấp và dân tộc trong cách mạng giải phóng dân tộc.

**Từ khóa:**

Hồ Chí Minh; mối quan hệ; dân tộc; giai cấp; cách mạng dân tộc, dân chủ

## 1. Về mối quan hệ giữa các giai cấp và dân tộc

Phân tích, đánh giá vai trò, vị trí của các giai cấp, các tầng lớp xã hội là một yêu cầu và nhiệm vụ quan trọng của các nhà lãnh đạo và các tổ chức cách mạng để từ đó xác định rõ vai trò của các giai cấp trong việc sắp xếp lực lượng cách mạng, đối tượng cách mạng và vạch ra chiến lược cách mạng. Mác, Ăngghen đã nghiên cứu công phu kết cấu giai cấp của xã hội tư bản, trong đó hai giai cấp đối kháng của chế độ tư bản chủ nghĩa là giai cấp công nhân và giai cấp tư sản.

Sử dụng phương pháp của chủ nghĩa duy vật lịch sử, V.I.Lênin đã viết nhiều công trình nghiên cứu, giúp Người hoạch định các nhiệm vụ chiến

lược của cách mạng Nga, để đi tới cuộc Cách mạng Tháng Mười vĩ đại năm 1917.

Hồ Chí Minh cũng phân tích, đánh giá vị trí, vai trò của các giai cấp trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam, từ đó Người đưa ra những nhận định về từng giai cấp và tầng lớp xã hội đúng như diện mạo và đặc trưng của nó.

Có thể khẳng định rằng, để đưa ra những luận điểm quan trọng giàu ý nghĩa lí luận và thực tiễn trong *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt và Chương trình tóm tắt* của Đảng, Hồ Chí Minh đã tiến hành nghiên cứu công phu tình hình kinh tế, chính trị và xã hội Việt Nam trong cả thập kỉ 20 của thế kỉ XX. Đó là các công trình nghiên cứu *Bản án chế độ thực dân*



Chủ tịch Hồ Chí Minh nói chuyện với đại biểu dự Đại hội II của Đảng, tháng 2-1951 (Ảnh: [quanlynhanuoc.vn](http://quanlynhanuoc.vn))

*Pháp; Đây “Công lý” của thực dân Pháp ở Đông Dương; Chế độ thực dân Pháp ở xứ Đông Dương; chủ nghĩa tư bản đế quốc Pháp ở Đông Dương:* Một trong những nội dung quan trọng của các tác phẩm là sự lên án, kết tội chủ nghĩa thực dân xâm lược trên các phương diện: cướp đoạt tài nguyên, bóc lột sức lao động, độc chiếm thị trường, thực hiện chính sách cai trị hà khắc, tàn bạo, đầu độc và ngu dân; bắt thanh niên Việt Nam đi ra chiến trường làm bia đỡ đạn cho bọn thực dân...

Điều quan trọng mà Nguyễn Ái Quốc đã nêu bật là mâu thuẫn gay gắt giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp xâm lược. Song không chỉ dừng lại ở đó, trong số phận nô lệ của cả dân tộc, mỗi giai cấp, mỗi tầng lớp nhân dân có những đặc điểm riêng. Theo đó, họ giữ những vị trí cụ thể trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

Trước hết, trên cơ sở phân tích tình hình kinh tế, Người nêu rõ chủ nghĩa tư bản Pháp với cách

bóc lột theo kiểu thực dân đã đưa tới hậu quả vô sản hóa người bản xứ và xuất hiện giai cấp vô sản công nghiệp và giai cấp vô sản nông dân. Giai cấp công nhân công nghiệp tập trung chủ yếu trong hai ngành khai thác mỏ và ngành vận tải. Riêng ở Bắc Kỳ, số thợ mỏ lên tới 30 ngàn. Trong số đó, riêng vùng mỏ Hòn Gai đã chiếm 16.500 công nhân. Số lượng công nhân đường sắt có khoảng 11.500, riêng số công nhân làm việc trên con đường sắt Bắc Kỳ - Vân Nam có tới 3.750 người. Ở Nam Kỳ, 65 nhà máy xay xát gạo đã thu hút 7.000 công nhân làm việc.

Số lượng công nhân đó được phân bố khá tập trung trong hầm mỏ, đường sắt, nhà máy. Người còn nêu hàng loạt số liệu để khẳng định thêm điều đó, như có tới 2.000 công nhân làm việc tại nhà máy dệt Nam Định, 1.000 công nhân lao động trong những xưởng sửa chữa tàu thủy ở Hải Phòng và rất nhiều nhà máy, công xưởng sử dụng 400 công nhân.

Công nhân nông nghiệp lao động trong các đồn điền. Gia đình công nhân bị coi là “gia đình tá điền”, vì tất cả thành viên của gia đình đều làm cho một đồn điền. Mức độ tập trung công nhân trong đồn điền cũng khá cao, có đồn điền cao su ở Nam Kỳ sử dụng trên 3.600 công nhân.

Cách trình bày trên cho thấy giai cấp công nhân Việt Nam ra đời từ sự du nhập quan hệ bóc lột theo kiểu tư bản chủ nghĩa của thực dân Pháp. Vì vậy, giai cấp đó vừa gắn với nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, vừa gắn bó với vận mệnh dân tộc. Họ bị áp bức, bóc lột rất nặng nề trong gông cùm nô lệ của người dân xứ thuộc địa. Lương của công nhân đã thấp, mỗi ngày đàn ông được nhận 32 xu, đàn bà 28 xu, trẻ em 16 xu, họ còn bị chủ bòn rút bằng nhiều cách, như bắt thợ phải mua hàng đắt hơn giá thị trường 10%. Nữ công nhân càng khổ cực hơn do những trò dâm bạo của bọn thực dân. Nguyễn Ái Quốc đưa ra lời thú nhận của toàn quyền Đông Dương do nỗi khổ cực của thợ thuyền người bản xứ mà trong số 15.907 thợ mỏ thống kê được vào năm 1908, không có ai sống đến 60 tuổi. Nhưng viện cớ đó, bọn tư bản thuộc địa không tổ chức quỹ hưu bổng cho thợ thuyền bản xứ.

Cuộc sống khổ cực của giai cấp công nhân Việt Nam đã làm dậy lên nhiều cuộc đấu tranh của họ chống bọn tư bản thực dân, kết hợp với nhiều phong trào yêu nước khác cùng chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc Pháp và bọn phong kiến tay sai. Do vậy, phong trào công nhân Việt Nam đã sớm mang tính giai cấp, hòa quyện với tính dân tộc. Đồng thời, tình cảm quốc tế của công nhân Việt Nam đã được biểu lộ rõ trong cuộc đình công của công nhân Ba Son (8-1925) không chịu sửa chữa tàu Misolê của Pháp, khi tàu này đi đến Trung Quốc đàn áp phong trào cách mạng.

Với bản chất cách mạng và sau khi tiếp nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, giai cấp công nhân đã trở thành giai cấp lãnh đạo cách mạng Việt Nam mà

Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân. Giai cấp công nhân Việt Nam giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh đã thống nhất lợi ích dân tộc và lợi ích giai cấp trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc. Điều đó Nguyễn Ái Quốc đã diễn đạt trong bài ca *Công nhân*:

“Càng nghĩ lại, càng xót xa,  
Vì ta mất nước, mà ta phải hèn...

Thợ thuyền ta phải đứng ra,  
Trước ta cứu nước, sau ta cứu mình”<sup>1</sup>.

Chính vì lẽ đó, trong tiến trình lãnh đạo sự nghiệp đấu tranh giành chính quyền, tiến hành các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đặt lợi ích của dân tộc lên trên hết và kết hợp với lợi ích của giai cấp công nhân, coi giải phóng dân tộc khỏi ách thống trị của chủ nghĩa thực dân cũ và mới là điều kiện tiên quyết để giải phóng các giai cấp bị áp bức, bóc lột, trong đó có giai cấp công nhân. Quyền lãnh đạo của Đảng được nhân dân thừa nhận trên cơ sở hoạt động thực tiễn của mình và qua đó Đảng tự khẳng định là tổ chức chính trị trung thành nhất với lợi ích của dân tộc và nhân dân. Trong *Báo cáo chính trị* tại Đại hội II của Đảng, Hồ Chí Minh đã xác định rõ: “Đảng Lao động Việt Nam phải là người lãnh đạo sáng suốt, kiên quyết, trung thành của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, của nhân dân Việt Nam để đoàn kết và lãnh đạo dân tộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn, để thực hiện dân chủ mới.

Trong giai đoạn này, quyền lợi của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc là một. Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam”<sup>2</sup>.

Về giai cấp nông dân, Hồ Chí Minh viết rất nhiều bài báo, hoặc dành một phần đáng kể trong nhiều tác phẩm để phản ánh thực trạng đời sống giai cấp nông dân Việt Nam và nông dân nhiều nước ở

phương Đông. Những tác phẩm đó đều đặt giai cấp nông dân trong điều kiện chung của dân tộc thuộc địa. Cách nhìn bao quát giai cấp nông dân ở các nước thuộc địa và cách phân tích giai cấp nông dân Việt Nam đã bổ sung cho nhau, làm sáng tỏ nhiều vấn đề quan trọng về vai trò và vị trí của giai cấp nông dân trong phong trào đấu tranh tự giải phóng của các dân tộc thuộc địa.

Chế độ thuộc địa đã biến toàn thể nhân dân Việt Nam thành người nô lệ. Trong điều kiện đó, theo nhận định của Hồ Chí Minh, người nông dân càng phải chịu sự áp bức, bóc lột nặng nề hơn, nhục nhã hơn: “Người An Nam nói chung, phải ề cổ ra mà chịu những công ơn bảo hộ của nước Pháp. Người nông dân An Nam nói riêng, lại càng phải ề cổ ra mà chịu sự bảo hộ ấy một cách thảm hại hơn: là người An Nam, họ bị áp bức; là người nông dân, họ bị người ta ăn cắp, cướp bóc, tước đoạt, làm phá sản”<sup>3</sup>.

Ách áp bức, bóc lột đè nặng lên người nông dân do quan hệ bóc lột của giai cấp địa chủ phong kiến được chủ nghĩa thực dân dung dưỡng. Ngoài những địa chủ vốn có từ trong chế độ phong kiến, còn có thêm nhiều địa chủ mới xuất thân từ những phần tử tay sai của chủ nghĩa thực dân. Bọn chúng dựa vào thế lực của chính quyền thuộc địa, chiếm đoạt ruộng đất của nông dân, nhất là những người nông dân tham gia phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp. Như vậy, nếu như cách mạng Pháp năm 1789 thủ tiêu quan hệ bóc lột phong kiến và đánh đổ giai cấp quý tộc phong kiến, thì khi xâm lược và thống trị Việt Nam, đế quốc Pháp không những không xóa bỏ quan hệ sản xuất địa chủ phong kiến mà còn dung dưỡng và gia tăng thế lực của nó. Điều đó thể hiện tính chất phản động của chủ nghĩa thực dân.

Ruộng đất, nguồn sống chính của giai cấp nông dân càng bị thu hẹp do nạn chiếm đoạt ruộng đất của tư bản Pháp. Trong quá trình đầu tư tư bản vào Việt Nam, tư bản Pháp đã cướp đoạt ruộng đất với

quy mô lớn ở khắp Bắc, Trung, Nam và biến người nông dân thành người làm công trên những mảnh đất vốn là của chính mình. Họ chịu sự bóc lột nặng nề và bị hành hạ tàn khốc bởi cách bóc lột tư bản chủ nghĩa kết hợp với lối bóc lột phong kiến.

Cùng với các công ty công nghiệp, thương nghiệp và ngân hàng được thành lập, hàng loạt công ty lớn của tư bản Pháp ra đời để khai thác đất đai, như Công ty ruộng đất thuộc địa (1923), Công ty đồn điền đất đỏ (1923), Công ty chè Đông Dương (1924)... Sau khi đưa ra một danh mục 9 công ty lớn chuyên đầu tư vào ngành nông nghiệp, Nguyễn Ái Quốc đã nêu rõ diện tích đất đai bị chủ tư bản chiếm đoạt: “Ở Nam Kỳ, 250.000 héc-ta đã bị những chủ đồn điền Pháp chiếm đoạt và 600.000 héc-ta sắp bị chiếm đoạt.

Hãng vận tải đường sông ở Nam Kỳ mua đất với giá 2,1 phrăng một mét vuông và đem bán lại với giá 1.440 phrăng một mét vuông.

Ở Bắc Kỳ, trên 112.000 héc-ta đất ruộng và 63.500 héc-ta đất có quặng đều nằm trong tay 150 chủ đồn điền và 34 chủ mỏ, đây là chưa kể những đất tô nhượng chưa được khai khẩn.

Ở Trung Kỳ, cho đến năm 1925, chỉ có 62.000 héc-ta nằm trong tay người Pháp. Chỉ riêng năm 1926, đã có trên 30.000 héc-ta bị 180 người Pháp chiếm đoạt”<sup>4</sup>.

Khái quát tình cảnh khổ cực của giai cấp nông dân, Nguyễn Ái Quốc viết:

“Lại còn thuế nặng, sưu cao.  
Được đồng nào đều lọt vào túi Tây.  
Dân ta không có ruộng cày,  
Bao nhiêu đất tốt về tay đồn điền.  
Lại còn phu dịch, tàn phiến.  
Làm chết xác được đồng tiền nào đâu!  
Thân người chẳng khác thân trâu.  
Cái phần no ấm có đâu đến mình!”<sup>5</sup>

Nỗi khổ của giai cấp nông dân gắn liền với nỗi nhục mất nước và cảnh sống nô lệ tối tăm của cả

dân tộc Việt Nam. Theo đó, sự nghiệp giải phóng giai cấp nông dân được đặt trong sự nghiệp giải phóng dân tộc do giai cấp công nhân lãnh đạo.

Nông dân Việt Nam chiếm số đông trong các thành phần cư dân, có sức mạnh vô cùng to lớn được bắt nguồn từ ý chí đấu tranh kiên cường, bất khuất và tinh thần sáng tạo trong sự nghiệp đấu tranh vì độc lập, tự do của Tổ quốc. Khi giai cấp công nhân ra đời, hai giai cấp công nhân và nông dân trở thành “cái gốc của cách mạng” như Nguyễn Ái Quốc đã nhận định trong *Đường Kách mệnh*. Chính vì vậy, công tác tuyên truyền, giáo dục và tổ chức giai cấp nông dân trở thành công tác trọng tâm có vị trí rất quan trọng đối với sự thành công của sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước. Công tác đó cần được tiến hành trên hai phương diện. Một là, tuyên truyền, giáo dục để giai cấp nông dân nhận thức sâu sắc sự thống nhất giữa nhiệm vụ đấu tranh giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp mình. Trong bài ca *Dân cày*, Nguyễn Ái Quốc đã kêu gọi nông dân chuẩn bị đứng dậy khởi nghĩa.

Dịp này là dịp trời cho,

Lo cứu nước tức lo cứu mình.

Hai là, Đảng và Nông hội phải ra sức vận động, tổ chức nông dân để không những phát huy sức mạnh vốn có của họ mà còn nhân sức mạnh đó lên gấp bội trong khối đoàn kết toàn dân. Trong “Thư gửi Hội nghị Nông dân cứu quốc toàn quốc lần thứ hai”, Hồ Chí Minh đã nêu rõ nhiệm vụ đó: “Đa số dân ta là nông dân. Mọi việc đều phải dựa vào nông dân. Nông dân giác ngộ hăng hái thì kháng chiến mới mau thắng lợi, kiến quốc mới chóng thành công, nông dân mới được giải phóng”<sup>76</sup>.

Mối quan hệ giữa giai cấp nông dân với dân tộc không chỉ do sức mạnh hùng hậu của nông dân trong trận tuyến đấu tranh chống đế quốc, phong kiến mà một tầm mức cao hơn, là do nhiệm vụ

chiến lược của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân quyết định. Giải phóng dân tộc được đặt trong mối quan hệ chặt chẽ với nhiệm vụ xóa bỏ ách bóc lột phong kiến đối với giai cấp nông dân và định hướng phát triển của dân tộc Việt Nam lên chủ nghĩa xã hội. Điều đó chính là tất yếu khách quan của tiến trình vận động cách mạng theo quỹ đạo cách mạng vô sản. *Chính cương vắn tắt của Đảng* do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo được hội nghị thành lập Đảng thông qua đã căn cứ vào thực trạng tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam và yêu cầu giải quyết những mâu thuẫn cơ bản mở đường phát triển cho dân tộc Việt Nam: “*Tư bản bản xứ đã thuộc tư bản Pháp, vì tư bản Pháp hết sức ngăn trở sức sinh sản làm cho công nghệ bản xứ không thể mở mang được. Còn về nông nghệ một ngày một tập trung đã phát sinh ra lắm khủng hoảng, nông dân thất nghiệp nhiều. Vậy tư bản bản xứ không có thể lực gì ta không nên nói cho họ đi về phe đế quốc được, chỉ bọn đại địa chủ mới có thể lực và đứng hẳn về phe đế quốc chủ nghĩa nên chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản*”<sup>77</sup>.

Chính cương vắn tắt xác định rõ các nhiệm vụ cụ thể có quan hệ trực tiếp đến sự nghiệp giải phóng giai cấp nông dân như: “Về phương diện chính trị, đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến”; về phương diện kinh tế “*Thâu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công chia cho dân cày nghèo*”<sup>78</sup>.

Điều cần nói thêm ở đây là sự nghiệp giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp nông dân không phải là chặng cuối cùng của con đường cách mạng Hồ Chí Minh mà chỉ là bước khởi đầu để đi tiếp những chặng đường mới, vươn tới những mục tiêu cao hơn là giải phóng xã hội, giải phóng con người khỏi áp bức bóc lột, bất công; khích lệ và phát huy mọi năng lực sáng tạo để xây dựng một xã hội công bằng, văn minh trên nền tảng kinh tế văn hóa phát

triển cao. Đó cũng chính là ranh giới phân định sự khác biệt giữa con đường giải phóng dân tộc theo quỹ đạo của cách mạng vô sản và con đường giải phóng dân tộc thuộc phạm trù tư sản.

Quan điểm của Hồ Chí Minh và của Đảng về mối quan hệ giữa giai cấp nông dân và dân tộc đã được thể hiện trong những cương lĩnh đầu tiên của Đảng (Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt và Luận cương chính trị). Thông qua đó, đã tạo lập được một mối quan hệ cơ bản, toàn diện, vững chắc và biện chứng giữa giai cấp nông dân và dân tộc vì sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa. Và cũng nhờ đó, sức mạnh của giai cấp nông dân càng được bồi dưỡng, tăng cường gấp bội và góp phần rất quan trọng đưa đến thắng lợi vĩ đại của dân tộc ta trong thế kỉ XX.

Lực lượng hùng hậu của giai cấp nông dân chỉ được phát huy có hiệu quả nhất khi đặt dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, trong khối liên minh với giai cấp công nhân, với tầng lớp trí thức và các giai cấp, tầng lớp xã hội khác giàu lòng yêu nước trong cộng đồng dân tộc. Đồng thời, giai cấp nông dân cần được tổ chức, huấn luyện trong nông hội theo các quan điểm công tác dân vận của Đảng, như Hồ Chí Minh đã nêu rõ trong “Thư gửi Hội nghị cán bộ nông dân toàn quốc”, tháng 11-1949: Tổ chức nông dân thật chặt chẽ; đoàn kết nông dân thật khăng khít; huấn luyện nông dân thật giác ngộ; lãnh đạo nông dân đấu tranh cho lợi ích của nông dân và của Tổ quốc.

*Trí thức, tiểu tư sản* đã được đề cập tới trong nhiều bài viết, bài nói của Hồ Chí Minh khi Người trình bày và lí giải mối quan hệ giữa giai cấp và tầng lớp đó với sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Tầng lớp trí thức Việt Nam trong những thập kỉ đầu thế kỉ XX đã có hai bộ phận: một bộ phận bao gồm những nhà nho được đào tạo theo khuôn mẫu của nền giáo dục phong kiến mà cốt lõi là Nho giáo.

Họ tiếp nhận học thuyết Khổng Mạnh, đồng thời cũng thấm nhuần Nho giáo Việt Nam, vốn chứa đựng trong đó tinh thần yêu nước, thương dân. Vì vậy, từ khi thực dân Pháp tiến hành xâm lược Việt Nam cho đến những năm đầu thế kỉ XX, trên trận tuyến chống đế quốc xâm lược và các thế lực phong kiến đầu hàng, đã xuất hiện một lớp nhà nho yêu nước gương cao ngọn cờ Cần Vương theo quan điểm phong kiến và ngọn cờ cải lương, bạo động theo lập trường tư sản. Bộ phận thứ hai là những trí thức tây học, được đào tạo trong nhà trường thực dân. Số này đông hơn và phần lớn trong tầng lớp đó có tinh thần yêu nước, oán ghét bọn thực dân. Trong báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản về tình hình Đông Dương đề ngày 12-7-1940, Nguyễn Ái Quốc nhận định: “Trí thức, từ học sinh đến công chức, thầy thuốc và những người lao động trí óc khác, vì có trình độ văn hóa cao và có điều kiện tiếp xúc với người Pháp hơn, lại vì bị người Pháp khinh miệt, cho nên họ đều rất ghét người Pháp. Nhưng vì không có tổ chức, thiếu sự lãnh đạo, cho nên họ dám nghĩ mà không dám nói”<sup>9</sup>.

Trong tiến trình cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng, một số lượng khá đông những người trong tầng lớp trí thức được giác ngộ, đứng trong trận tuyến nhân dân đấu tranh giành chính quyền và kháng chiến chống đế quốc xâm lược. Họ trở thành một bộ phận trong lực lượng cách mạng và công tích của họ đã được Hồ Chí Minh đánh giá rất cao: “Chúng ta có quyền tự hào rằng: những người lao động trí óc ở Việt Nam đều đứng trong hàng ngũ kháng chiến”<sup>10</sup>.

Đồng thời, Người cũng nêu rõ lao động trí óc có nhiệm vụ rất quan trọng trong sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc, trong cuộc hoàn thành dân chủ mới để tiến đến chủ nghĩa xã hội. Người khẳng định, chỉ có giai cấp công nhân mới thực sự yêu chuộng và tôn trọng trí thức. Vì thế, khi đề cập đến vấn đề Đảng với lao động trí óc, Người nhấn mạnh

và giải thích rõ Tuyên ngôn của Đảng Lao động Việt Nam. Đảng gồm những người công nhân, nông dân và lao động trí óc yêu nước nhất, hăng hái nhất, cách mạng nhất; lao động trí óc cần được khuyến khích giúp đỡ, phát triển tài năng để phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân.

Hồ Chí Minh xác định rõ vai trò rất quan trọng của tầng lớp trí thức trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và xây dựng đất nước giàu mạnh. Người kêu gọi và thực sự chỉ đạo việc xây dựng và tăng cường khối đoàn kết công nông, trí thức; xóa bỏ tàn tích và di hại của chế độ thực dân, phong kiến đã tách rời, chia rẽ trí thức với công nông, một chính sách “chia để trị” của bọn thực dân. Người khuyến công nông phải đoàn kết với trí thức và trí thức chủ động đi đến với công nông: “Ngày nay, chúng ta cần phải xóa bỏ dần sự tách rời đó, cần phải làm cho những người lao động (lao động trí óc và lao động chân tay) đoàn kết chặt chẽ với nhau, để cùng nhau xây dựng một xã hội mới và tốt đẹp.

Trên con đường tiến đến đoàn kết, tôi thiết tưởng trí thức ta nên tự động đi bước trước tìm đến công nông, và tôi chắc rằng công nông sẽ nhiệt liệt hoan nghênh trí thức”<sup>11</sup>. Tạo dựng được khối đoàn kết, liên minh công nông và trí thức chính là tạo dựng sức mạnh quan trọng nhất làm nòng cốt cho Mặt trận Dân tộc thống nhất.

Về tiểu thương, một bộ phận của tầng lớp tiểu tư sản, Hồ Chí Minh đã nêu rõ vị trí thấp kém của họ trong nền kinh tế của một nước thuộc địa, bị tư sản Pháp biến thành thị trường độc chiếm. Trong tác phẩm “*Đấy công lý của thực dân Pháp ở Đông Dương*”, Nguyễn Ái Quốc đã đưa ra ví dụ sau đây để minh chứng điều đó: “Trong số 7.152.910 tấn hàng hóa chuyên chở ở hải cảng của mình, về phần dân An Nam chỉ được có 12.231 tấn chuyên chở trên 542 chiếc thuyền buồm nhỏ.

Trong số 20 triệu dân An Nam, chỉ có 22.000 nhà tiểu thương”<sup>12</sup>.

Các công ty thương nghiệp của tư bản Pháp, thứ đến là các nhà buôn Hoa kiều lũng đoạn thị trường Việt Nam, chèn ép không cho tiểu thương Việt Nam cạnh tranh và ngoi lên trên thương trường. Năm 1940, trong báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã trình bày rõ thế lực kinh tế và thái độ chính trị của tầng lớp tiểu thương: “Thương nghiệp lớn toàn trong tay người Pháp, cỡ nhỏ hơn trong tay Hoa kiều. Người Việt Nam chỉ buôn bán nhỏ. Họ không ngoi lên được bởi các thứ thuế má nặng nề, do đó họ cũng rất căm ghét người Pháp, đồng tình với cách mạng”<sup>13</sup>. Vì thế, họ là một lực lượng đáng kể trong phong trào đấu tranh của nhân dân thành thị, một bộ phận của lực lượng đấu tranh giải phóng dân tộc.

Đối với giai cấp tư sản dân tộc, Hồ Chí Minh cũng xem xét và đánh giá họ trên cơ sở nghiên cứu mối quan hệ giữa họ với chủ nghĩa tư bản Pháp, giữa họ với công cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân xâm lược. Năm 1940, Người nhận định về giai cấp tư sản dân tộc: Trong số dân An Nam không có chủ nhà máy lớn, không có đại thương gia, không có chủ nhà băng lớn như người Hoa. Người An Nam chỉ có những xí nghiệp nhỏ, như xí nghiệp sản xuất rượu, xưởng xay xát gạo, xưởng in, xưởng nhuộm,... Những người này một mặt vì sự áp bức của chính quyền Pháp, họ căm ghét người Pháp, còn mặt khác, họ lại sợ quân chúng cách mạng khi diễn ra cao trào bãi công. Thực ra trong số họ có những người giúp đỡ cách mạng, nhưng họ rất yếu ớt và không có tổ chức.

Với cách đánh giá đúng đắn đó, Người đã tranh thủ được những nhân tố tích cực của giai cấp tư sản dân tộc, đó là tinh thần yêu nước, căm ghét thực dân Pháp, để đưa họ vào mặt trận Việt Minh và khuyến khích họ cùng với toàn dân đánh đổ chế độ thực dân, ủng hộ cuộc kháng chiến chống ngoại xâm.

Đối với địa chủ và quan lại, Hồ Chí Minh đánh giá giai cấp địa chủ theo sự phân tầng về thế lực kinh tế và sự phân hóa về thái độ chính trị. Theo đó, giai cấp địa chủ được phân định thành đại địa chủ, trung và tiểu địa chủ. Dưới chính quyền thực dân, những viên quan có vị trí cao trong bộ máy cai trị cũng đồng thời là những đại địa chủ. Tầng lớp này và đế quốc Pháp dựa vào nhau. Ở Nam Kỳ, đại địa chủ lập ra một đảng mang tên Đảng Lập hiến làm tay sai cho đế quốc Pháp.

Về chiến lược, cách mạng dân chủ nhân dân đánh đổ chủ nghĩa đế quốc Pháp và giai cấp phong kiến. Song căn cứ tình hình cụ thể của giai cấp địa chủ Việt Nam, cần có sách lược thích hợp: “Đối với trung, tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng (Đảng Lập hiến, v.v.) thì phải đánh đổ”<sup>14</sup>.

Có thể nói việc phân tích, đánh giá và xử lý mối quan hệ giữa các giai cấp và tầng lớp nhân dân với dân tộc được Hồ Chí Minh đặc biệt chú trọng ở tầm chiến lược và sách lược cách mạng, trực tiếp quyết định thắng lợi của con đường cách mạng giải phóng dân tộc mà Người đã xác định.

Giới khoa học đã từng biết đến các phương pháp phân tích giai cấp của các nhà lí luận mác xít được xác lập trên bình diện mối quan hệ giữa các giai cấp trong những hình thái kinh tế xã hội nhất định. Theo đó, mỗi giai cấp có một vị trí cụ thể của các mâu thuẫn giai cấp và liên minh giai cấp.

Hồ Chí Minh đã vận dụng phương pháp phân tích giai cấp của chủ nghĩa Mác - Lênin để làm sáng tỏ các mối quan hệ kinh tế, đồng thời Người rất chú trọng nghiên cứu, phát hiện mối quan hệ giữa giai cấp, tầng lớp xã hội với cộng đồng dân tộc trong sự nghiệp đấu tranh xóa bỏ chế độ thực dân, giải phóng dân tộc. Cách xem xét đó cho phép phát hiện đầy đủ hơn các mối quan hệ tiềm ẩn trong từng giai

cấp mà nếu đơn giản hóa nó theo một đơn tuyến thì rất khó phát hiện.

Hồ Chí Minh coi vận mệnh dân tộc là nhân tố quan trọng nhất, tác động trực tiếp đến đời sống vật chất và tinh thần của mọi giai cấp và tầng lớp xã hội. Nước mất kéo theo hệ quả là dân bị nô lệ. Chủ quyền quốc gia bị ngoại bang tước bỏ, thì quyền tự do của nhân dân cũng bị thủ tiêu vì trừ những kẻ cam tâm làm tay sai cho đế quốc xâm lược, các thành viên khác của dân tộc đều phải chịu nỗi khổ nhục dưới ách nô dịch của chủ nghĩa đế quốc. Những thảm họa do chủ nghĩa thực dân gây ra đã giáng lên đầu dân tộc Việt Nam, mang lại nhiều hậu quả nghiêm trọng và cản trở sự phát triển của dân tộc ta.

Hồ Chí Minh tìm thấy ở các giai cấp ý chí và nguyện vọng thiết tha nhất là độc lập tự do cũng chính là điểm tương đồng quan trọng nhất tạo cơ sở đoàn kết giữa các giai cấp trong Mặt trận Dân tộc thống nhất. Trong mối tương đồng chung đó, Hồ Chí Minh còn phân định rõ bản chất và đặc điểm của mối quan hệ từng giai cấp với sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc. Theo đó, mỗi giai cấp có vai trò và vị trí nhất định, ví như giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo, giai cấp nông dân là lực lượng cách mạng hùng hậu trong khối đoàn kết dân tộc... Sự sắp xếp các lực lượng cách mạng như vậy vừa phát huy được sức mạnh của từng giai cấp và sức mạnh tổng hợp của toàn thể cộng đồng dân tộc.

1, 5, 7, 8, 13, 14. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 3, tr. 241, 238, 1, 2, 194, 3

2, 6, 10. *Sđđ*, T. 7, tr. 41, 56, 72

3, 12. *Sđđ*, T. 1, tr. 247, 383

4. *Sđđ*, T.2, tr. 382

9. *Báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản* (bản Trung văn). Lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng

11. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 10, tr. 377.